

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CHUYÊN ĐỀ ĐÀO TẠO THẠC SĨ
Đổi mới Văn học Việt Nam sau 1975
 Chuyên ngành: *Ngữ văn*

1. Thông tin về giảng viên biên soạn đề cương

*** Giảng viên 1**

- Họ và tên: Hoả Diệu Thuý
- Học hàm, học vị: PGS.TS
- Thời gian làm việc: Các ngày trong tuần (từ 8h00 đến 11h00)
- Địa điểm làm việc: Khoa KHXH, Trường ĐH Hồng Đức.
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Văn học VN, Khoa KHXH, Trường ĐH Hồng Đức.
- Điện thoại: 0989.091.116
- Email: hoadieuthuy@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính:

Tổng quan về văn học Việt Nam; Văn học Việt Nam hiện đại; hệ thống thể loại văn học Việt Nam; kiểu tác giả và cá tính sáng tạo trong văn học Việt Nam hiện đại; văn học Việt Nam từ góc nhìn văn hóa,...

*** Giảng viên 2**

- Họ và tên: Hoàng Thị Huệ
- Học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Mobile: 0915568186
- Email: hoangthihue@gmail.com

2. Thông tin chung về học phần

- Tên môn học: **Đổi mới Văn học Việt Nam sau 1975**
- Mã môn học: HDHT
- Môn học: - bắt buộc:
- Số tín chỉ: 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Lý thuyết, bài tập: 18	+ Kiểm tra thường xuyên: 2
+ Thực hành: 8	+ Kiểm tra giữa kỳ (tiểu luận): 2
+ Thảo luận: 12	+ Kiểm tra cuối kỳ:
+ Tự học: 90	

- Địa chỉ các khoa/bộ môn phụ trách môn học: Bộ môn Văn học VN, P.322. Nhà A6, CS chính, Trường ĐH Hồng Đức

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

3.1. Mục tiêu của học phần

Học phần khái quát những kiến thức cơ bản và nâng cao về sự đổi mới của văn học Việt Nam sau 1975: Đổi mới trong quan niệm và cách tiếp cận hiện thực; đổi mới trong các khuynh hướng sáng tác; đổi mới trong quan niệm nghệ thuật về con người, nghệ thuật trần thuật, ngôn ngữ và trong cấu trúc thể loại văn học.

- Trang bị cho học viên những hiểu biết cơ bản, chung nhất về đổi mới văn học Việt Nam sau 1975, bao gồm các nội dung: tiền đề đổi mới, quá trình vận động đổi mới, những đặc điểm cơ bản thể hiện sự đổi mới.

- Nắm được một số hiện tượng (tác giả, tác phẩm) tiêu biểu cho thành tựu văn học giai đoạn này.

- Có định hướng đúng và vận dụng để phân tích, nghiên cứu một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

7. Mô tả vắn tắt nội dung chuyên đề:

NỘI DUNG

Chương 1: Tiền đề đổi mới văn học Việt Nam sau 1975

1. Bước ngoặt lịch sử và những biến đổi về xã hội

- Cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi, đất nước thống nhất tạo ra vận hội mới và đồng thời cũng đứng trước những thách thức to lớn.

- Đất nước chọn hướng đi đổi mới toàn diện, hội nhập toàn cầu (từ 1986), cơ hội giao tiếp rộng mở, nhiều cái mới được du nhập.

- Những chuyển biến trong ý thức, tư tưởng của con người và xã hội: mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, tinh thần dân chủ và tôn trọng sự thật, xu hướng hội nhập vào đời sống quốc tế trong mọi lĩnh vực.

- Sự bùng nổ công nghệ thông tin khiến con người có cơ hội và nhu cầu hiểu biết, khám phá

2. Nhu cầu đổi mới văn học

- Nhu cầu từ phía độc giả: muốn đọc cái mới, thưởng thức cái mới

- Nhu cầu từ người sáng tác: muốn làm mới mình, muốn thử nghiệm cái mới – phương pháp lý thuyết mới

Chương 2: Các chặng phát triển của văn học Việt Nam sau 1975

1. Khoảng mười năm đầu sau 1975 (1975 – 1985):

- Nửa cuối thập kỷ 70: Văn học tiếp tục phát triển theo quán tính của văn học thời chiến những đã có một số dấu hiệu chuyển biến

- Nửa đầu những năm 80: thời kì “tiền đổi mới” với những tìm tòi của một số cây bút tiên phong như: Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Mạnh Tuấn (văn xuôi); Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Hưng (thơ)

2. Từ 1986 đến nửa đầu thập kỷ 90: Văn học trong công cuộc đổi mới

- Đại hội VI của Đảng và tác động của nó tới nền văn học.
- Cuộc đổi mới văn học sôi nổi ở những năm 80 đầu những năm 90. Một số khuynh hướng chính và những dấu hiệu văn học nổi bật

3. Từ giữa những năm 90 trở đi: cuộc đổi mới văn học với những khó khăn, những đòi hỏi mới nhưng vẫn tiếp tục con đường không thể đảo ngược.

Chương 3: Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ sau 1975 đến nay

1. Văn học vận động theo hướng dân chủ hoá

- Dân chủ hoá là xu thế lớn của toàn bộ đời sống đất nước trong thời kì đổi mới, mang ý nghĩa tiên bộ về mặt lịch sử
- Dân chủ hoá thể hiện trong toàn bộ đời sống văn học: từ quan niệm về văn học đến quan niệm về hiện thực, về nhà văn, từ sáng tạo đến tiếp nhận, từ thể loại đến ngôn ngữ.

2. Văn học vận động và phát triển với sự thức tỉnh ý thức cá nhân và tinh thần nhân bản

- Sự dịch chuyển thế tài và cảm hứng từ lịch sử dân tộc sang thế sự đời tư
- Điểm hội tụ, hệ quy chiếu các điểm nhìn, các giá trị là cá nhân với ý nghĩa vừa cụ thể, cá biệt, vừa phổ quát, nhân loại.
- Thể hiện tập trung nhất trong quan niệm nghệ thuật về con người: con người trong tác phẩm được thể hiện trong quan hệ đa chiều, đa phương diện, con người cá nhân – cá thể giàu nghiệm suy, nhận thức về bản thể.

3. Văn học phát triển phong phú, đa dạng, hướng tới tính hiện đại

- Tác động của sự giao lưu và những ảnh hưởng của văn học hiện đại thế giới.
- Văn học tìm tòi thể nghiệm theo hướng hiện đại: thể nghiệm những trường phái thơ tân hình thức, hậu hiện đại
- Tính chất phức tạp và phân hoá của văn học: đa dạng và phong phú trong bút pháp, trào lưu, khuynh hướng và vì vậy, không tránh khỏi những phức tạp, lộn xộn, xô bồ.

Chương 4: Đổi mới văn xuôi sau 1975

1. Đổi mới quan niệm về văn chương và nhà văn

- Đổi mới quan niệm về văn chương: ngoài các chức năng: phản ánh/ nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ, có thêm các chức năng: giải trí/ trò chơi, dự báo... Tác phẩm là diễn ngôn

- Đổi mới quan niệm về nhà văn: già biệt vai trò “thư ký trung thành của thời đại” trở thành nghệ sỹ tái hiện cuộc sống qua lăng kính cá nhân; nhà văn không chỉ viết văn mà là “chơi chữ”; thậm chí phủ nhận vai trò tác giả - tác giả đã “chết” (sự lên ngôi của độc giả”...

2. Đổi mới trong quan niệm và cách tiếp cận hiện thực

- Nhiều phương diện hiện thực: hiện thực lịch sử, hiện thực sinh hoạt, hiện thực tâm linh, tâm lý; hiện thực khách quan, hiện thực chủ quan

- Tiếp cận hiện thực trong cái nhìn đa chiều

- Tiếp cận hiện thực từ nhiều hướng

3. *Đổi mới thi pháp*: chú trọng cách viết, kỹ thuật viết

- **Đổi mới quan niệm nghệ thuật về con người**: chú trọng con người cá nhân – cá thể, con người tự nhận thức, con người nghiệm suy

- **Đổi mới nghệ thuật tổ chức cốt truyện**: phi tuyến tính, phân mảnh

- **Đổi mới nghệ thuật trần thuật**: sử dụng nhiều kỹ thuật hiện đại, tăng cường đối thoại

- **Đổi mới về ngôn ngữ, giọng điệu**:

+ Ngôn ngữ đối thoại, dân chủ, bình đẳng

+ Giọng giễu nhại được lựa chọn

4. *Một số hiện tượng văn xuôi tiêu biểu*

4.1. Nguyễn Minh Châu

- Trước 1975: Bút pháp trữ tình – sử thi

- Sau 1975: Bút pháp triết lý giàu tư tưởng, và đây là sự chuyển đổi ngoạn mục

+ Quan niệm nghệ thuật về con người: “Đã đến lúc chúng ta phải nói với nhau rằng: đứng trước trách nhiệm xây dựng con người với một nền đạo đức mới... mỗi nhà văn chúng ta đang mang trọng trách của một nhà văn hóa”.

Con người với đời sống tâm lý, tính cách phong phú, phức tạp

Con người cá thể với những xấu - tốt, cao cả - thấp hèn, thông minh – ngu ngơ ngờ nghệch đan xen, trộn lẫn

+ Đề tài: hướng đến đời tư cụ thể, hoàn cảnh hẹp, không gian hẹp

+ Cốt truyện: nhiều lớp, có thiên hướng khái quát, triết lý

+ Ngôn ngữ, giọng điệu: khách quan hơn, điềm tĩnh hơn, triết luận

4.2. Nguyễn Huy Thiệp: với những cách tân văn xuôi

- Quan điểm tiếp cận và phản ánh hiện thực:

+ Tiếp cận hiện thực từ cái nhìn cá nhân, đời tư, vì vậy có cái nhìn rọi thấu vào bản chất thật của con người

+ Nhìn thẳng vào sự thật, ở tính hai mặt.

Có ý kiến cho rằng Nguyễn Huy Thiệp là nhà văn của “những cái trớ trêu”, ở thế giới ấy “không có vua” và “biển không có thủy thần”

- Quan niệm nghệ thuật về con người:

+ Quan tâm/ coi trọng con người bản thể hồn nhiên, không quan tâm đến con người xã hội, thậm chí có xu hướng phủ nhận con người xã hội, con người giai cấp, con người – chính trị

- Cách tân thể loại truyện ngắn:

Chương 5: *Đổi mới thơ sau 1975*

1. Đổi mới quan niệm về thơ

- Quan niệm: - Làm thơ là làm chữ
 - Thơ phi thơ
 - Thơ ý niệm

2. Đổi mới thi pháp thơ

- Cái tôi trữ tình mới: cái tôi cá nhân - cá thể
- Đổi mới cấu trúc: bài thơ, câu thơ
- + Đổi mới bài thơ: Không đọc thơ theo tuyến tính, tái lập ra các hệ thống đọc khác nhau
- + Đổi mới câu thơ: không đồng nhất câu thơ với dòng thơ
- Đổi mới ngôn ngữ thơ: Mọi ngôn ngữ đều bình đẳng; lạ hóa ngôn ngữ, ngôn ngữ thông tục
- Về thể thơ:
 - + Cải cách các thể thơ cũ: 4 chữ, 5 chữ, 7 chữ, tự do, thơ bậc thang, không vần, lục bát
 - + Tiếp nhận và tiếp biến một số thể thơ trên thế giới: thơ HaiKu (Nhật Bản), Thơ vắt dòng, Thơ văn xuôi

3. Một số hiện tượng tiêu biểu

- Trần Dần: Đạt đến đỉnh điểm của hệ hình thơ Hiện đại, của quan niệm: làm thơ là làm chữ. Trần Dần ép chữ để để ra nghĩa bằng các cách:
 - Thay đổi dạng thức con chữ: viết in, viết thường, viết hoa
 - Hoán cải kí tự chữ: C- K, Gi – J, I – Y, S- X
 - Sử dụng âm thanh con chữ
 - Thay ngôn từ bằng hình vẽ ...
- Lê Đạt với “bóng chữ”
 - + Thơ Lê Đạt chặt đứt tính liên tục để tạo nghĩa mới
 - + “Cây chữ” tương tự về âm/ngĩa để tạo nên độ gián cách. Một chữ phát ra nhiều nghĩa tạo ra hiện tượng “nhòe” nghĩa, người đọc tự lựa chọn cách hiểu: Đám mây trắng khỏa xuân; Đùi bãi ngô non ngó ngó sông đầy;
- Vi Thùy Linh với tính dục trong thơ: nói nhiều đến tính dục, ngôn ngữ thân thể

8. Nhiệm vụ của học viên:

- Lên lớp đầy đủ
- Chuẩn bị các vấn đề cho các buổi trao đổi, thảo luận thực hành.
- Làm bài kiểm tra

9. Tài liệu học tập:

9.1. Giáo trình chính

1. Nguyễn Văn Long, Lã Nhâm Thìn (chủ biên) (2006), *Văn học Việt Nam sau 1975 - Những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Lê Huy Bắc (2012), *Văn học hậu hiện đại - lý thuyết và tiếp nhận*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Long (2002), *Văn học Việt Nam trong thời đại mới*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Nhiều tác giả (2016), *Thế hệ nhà văn sau 1975 - diện mạo và thành tựu*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.

Phê duyệt ngày tháng 12 năm 2017

Phê duyệt của Trường Trưởng khoa

P.trưởng BM

Người biên soạn

Hoàng Thị Huệ

Hoà Diệu Thuý

